TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 55/2022/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Như Ý.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bách Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Hoàng Đăng N**, sinh năm 1993
ĐKHKTT: khu 7, xã Thanh Đình, thành phố T, tỉnh A
Địa chỉ hiện nay: Tokyo-to, Koto-ku, 7-13 Dai 5 Kino Shita Bilu 202
Người được anh Nam ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Hoàng Quốc Hải
ĐKHKTT: khu 7, xã Thanh Đình, thành phố T, tỉnh A
- **Chị Hoàng Thị L** – sinh năm 1998
ĐKHKTT: khu 7, xã Thanh Đình, thành phố T, tỉnh A

(*Anh Nam, chị Luân đều đề nghị giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 20/7/2022 và các lời khai tiếp theo anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 21/12/2016 tại UBND xã Thanh Đình, thành phố T, tỉnh A. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, cuộc sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và có nhiều biến cố. Anh N, chị L đã nhiều lần hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N, chị L thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; anh N, chị L đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung việc dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 19, 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét, giải quyết trong vụ việc này;

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: anh N, chị L đều phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh Nam gửi từ Nhật Bản về Việt Nam, có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản, do đó xác định anh hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền.

Chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh N, chị L đều đề nghị giải quyết vắng mặt anh chị nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh N, chị L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 21/12/2016 tại UBND xã Thanh Đình, thành phố T, tỉnh A là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N đi nước ngoài, có khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không có điều kiện chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã nhiều lần cố gắng tìm tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của anh N, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: anh N, chị L xác định không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh N, chị L xác định không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh N, chị L đều phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L.

[2] Về con chung: anh N, chị L xác định không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh N, chị L xác định không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Hoàng Đăng N và chị Hoàng Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Hoàng Thị L đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000084 ngày 10/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị L 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND phường Thanh Đình;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Như Ý